BTVN: TỔNG KẾT ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN VIỆT NAM
CHUYÊN ĐỀ: ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN
BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN TUYENSINH247.COM

MỤC TIÊU

✓ *Tổng kết phần Địa lí tự nhiên Việt Nam*

Câu 1: (ID: 710202) Huyện đảo nằm cách xa đất liền nhất của nước ta là

A. Hoàng Sa. **B.** Phú Quốc. **C.** Phú Quý. **D.** Trường Sa.

Câu 2: (ID: 710203) Càng vào phía Nam gió mùa Đông Bắc càng

A. suy yếu. **B.** mạnh. **C.** khô nóng. **D.** gây mưa nhiều.

Câu 3: (ID: 710204) Nguyên nhân chủ yếu làm tăng thêm tính bấp bênh của nông nghiệp nước ta là

A. khí hậu phân hóa theo Bắc - Nam và theo độ cao. **B.** địa hình, đất trồng, sông ngòi có sự phân hóa rõ.

C. thiên nhiên mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa. **D.** đất trồng có nhiều loại và sinh vật rất phong phú.

Câu 4: (ID: 710205) Miền Bắc ở độ cao trên 600 - 700 m, miền Nam phải trên độ cao 900 - 1000 m mới có khí hậu cận nhiệt đới chủ yếu vì

A. nhiệt độ trung bình miền Nam cao hơn. **B.** địa hình miền Bắc cao hơn.

C. miền Bắc giáp biển nhiều hơn miền Nam. **D.** miền Bắc mưa nhiều hơn.

Câu 5: (ID: 710206) Khu vực nam Tây Bắc có mùa hạ đến sớm hơn vùng phía Đông Bắc chủ yếu do

A. ít chịu tác động của gió mùa Đông Bắc. **B.** gió mùa Tây Nam đến sớm hơn.

C. gió mùa Đông Bắc đến muộn hơn. **D.** chịu ảnh hưởng của biển nhiều hơn.

Câu 6: (ID: 710207) Hoạt động nông nghiệp nào sau đây có nguy cơ cao dẫn tới ô nhiễm đất?

A. Đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ. **B.** Trồng lúa nước làm đất bị glây.

C. Sử dụng thuốc trừ sâu, phân hóa học. **D.** Canh tác không hợp lý trên đất dốc.

Câu 7: (ID: 710208) Việc trồng rừng ven biển ở vùng Bắc Trung Bộ có tác dụng chủ yếu là

A. điều hòa nguồn nước, hạn chế các cơn lũ đột ngột trên các sông ngắn và dóc.

B. chống sạt lở, xói mòn đất, ngăn ảnh hưởng của nước mặn vào sâu.

C. chắn gió bão, ngăn không cho cát bay, cát chảy lấn vào ruộng đồng, làng mạc.

D. bảo vệ môi trường sống của các loài sinh vật, bảo tồn các nguồn gen.

Câu 8: (ID: 710209) Các nhân tố tự nhiên nào dưới đây quyết định sự phân bố của nhà máy thủy điện Hoà Bình?

A. Địa hình và sông ngòi. **B.** Địa hình và chế độ mưa.

C. Lớp phủ thực vật và sông ngòi. **D.** Khí hậu và lớp phủ thực vật.

Câu 9: (ID: 710219)

Với đặc điểm khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa và bờ biển dài, Việt Nam có thuận lợi cơ bản để phát triển năng lượng gió. Trong chương trình đánh giá về năng lượng cho châu Á, Ngân hàng Thế giới đã có một khảo sát chi tiết về năng lượng gió khu vực Đông Nam Á. Trong đó, Việt Nam có tiềm năng gió lớn nhất, với tổng tiềm năng điện gió ước đạt 513 360 MW, tức gấp 200 lần công suất của Nhà máy Thủy điện Sơn La, và hơn 10 lần tổng công suất dự báo của ngành điện vào năm 2020.

Ở Việt Nam, các khu vực có thể phát triển năng lượng gió không trải đều trên toàn bộ lãnh thổ. Do ảnh hưởng của gió mùa nên chế độ gió cũng khác nhau. Ở phía bắc đèo Hải Vân mùa gió mạnh chủ yếu trùng với gió mùa mùa đông, trong đó các khu vực giàu tiềm năng nhất là Quảng Ninh, Quảng Bình, và Quảng Trị. Ở phần phía nam đèo Hải Vân, mùa gió mạnh trùng với gió mùa mùa hạ, trong đó các khu vực giàu tiềm năng nhất là cao nguyên Tây Nguyên, các tỉnh ven biển vùng Đồng bằng sông Cửu Long, các tỉnh ven biển vùng Duyên hải Nam Trung Bộ (đặc biệt là khu vực ven biển của hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận).

(Nguồn: Lược trích từ Đàm Quang Minh và Vũ Thành Tự Anh, Năng lượng gió của Việt Nam, tiềm năng và triển vọng)

1. Theo bài viết, quốc gia có tiềm năng gió lớn nhất ở khu vực Đông Nam Á là

A. Thái Lan. **B.** Phi-lip-pin. **C.** Ma-lai-xi-a. **D.** Việt Nam.

2. Ở phía nam đèo Hải Vân, loại gió nào có tiềm năng năng lượng gió lớn nhất?

A. Gió mùa Đông Bắc. **B.** Gió mùa Tây Nam. **C.** Gió Tây ôn đới. **D.** Gió Tín Phong.

3. Hai tỉnh có tiềm năng và triển vọng phát triển năng lượng gió cao nhất trong vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là

A. Quảng Ninh và Quảng Bình. **B.** Quảng Ninh và Quảng Trị.

C. Quảng Bình và Quảng Trị. **D.** Ninh Thuận và Bình Thuận.

Câu 10: (ID: 710223)

Biển Đông rộng, nhiệt độ nước biển cao và biến động theo mùa đã làm tăng độ ẩm của các khối khí qua biển, mang lại cho nước ta lượng mưa và độ ẩm lớn, đồng thời làm giảm tính chất khắc nghiệt của thời tiết lạnh khô trong mùa đông và làm dịu bớt thời tiết nóng bức vào mùa hạ. Nhờ có Biển Đông, khí hậu nước ta mang nhiều đặc tính của khí hậu hải dương nên điều hoà hơn.

Các dạng địa hình ven biển nước ta rất đa dạng. Đó là các vịnh cửa sông, các bờ biển mà mòn, các tam giác châu có bãi triều rộng các bãi cát phẳng, cồn cát, các đầm phá, các vùng vịnh nước sâu, các đảo ven bờ và những rạn san hô.

Các hệ sinh thái vùng ven biển rất đa dạng và giàu có.

Hệ sinh thái rừng ngập mặn ở nước ta vốn có diện tích tới 450 nghìn ha, riêng Nam Bộ là 300 nghìn ha, lớn thứ hai trên thế giới sau rừng ngập mặn Amazon ở Nam Mỹ. Tuy vậy, hiện nay rừng ngập mặn đã bị thu hẹp rất nhiều do chuyển đổi thành diện tích nuôi tôm, cá và do cháy rừng. Hệ sinh thái rừng ngập mặn cho

năng suất sinh học cao, đặc biệt là sinh vật nước lợ. Các hệ sinh thái trên đất phèn và hệ sinh thái rừng trên các đảo cũng rất đa dạng và phong phú.

1. Khí hậu nước ta mang đặc tính khí hậu hải dương, điều hòa hơn là nhờ

A. nằm gần Xích đạo, mưa nhiều
B. Địa hình 85% là đồi núi thấp
C. Chịu tác động thường xuyên của gió mùa.
D. Tiếp giáp với Biển Đông.

2. Đâu không phải là các dạng địa hình chủ yếu ở ven biển nước ta?

A. Các vịnh cửa sông, các bờ biển mài mòn.
B. Các tam giác châu có bãi triều rộng.
C. Các đồng bằng châu thổ rộng lớn màu mỡ.
D. Các đảo ven bờ và những rạn san hô.

3. Hệ sinh thái rừng ngập mặn cho năng suất sinh học cao nhất ở vùng nước nào?

A. nước mặn.
B. nước ngọt.
C. nước lợ.
D. nước mặn và nước lợ.

Câu 11: (ID: 710227)

Việt Nam là quốc gia ven biển nằm bên bờ Tây của Biển Đông, có địa chính trị và địa kinh tế rất quan trọng không phải bất kỳ quốc gia nào cũng có. Với bờ biển dài trên 3.260 km trải dài từ Bắc xuống Nam, đứng thứ 27 trong số 157 quốc gia ven biển, các quốc đảo và các lãnh thổ trên thế giới. Chỉ số chiều dài bờ biển trên diện nước ta là xấp xỉ 0,01 (nghĩa là cứ 100 km tích đất liền của đất liền có 1 km bờ biển). Trong 63 tỉnh, thành phố của cả nước thì 28 tỉnh, thành phố có biển và gần một nửa dân số sinh sống tại các tỉnh, thành ven biển.

Trong lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc, biển đảo luôn gắn với quá trình xây dựng và phát triển của đất nước và con người Việt Nam. Vùng biển nước ta bao gồm cả vùng lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa. Theo Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển 1982, nước ta có diện tích biển khoảng trên 1 triệu km², gấp 3 lần diện tích đất liền, chiếm gần 30% diện tích Biển Đông (cả Biển Đông gần 3,5 triệu km²). Vùng biển nước ta có khoảng 3.000 hòn đảo lớn, nhỏ và 2 quần đảo xa bờ là Hoàng Sa và Trường Sa, được phân bố khá đều theo chiều dài của bờ biển đất nước, với vị trí đặc biệt quan trọng như một tuyến phòng thủ tiền tiêu để bảo vệ sườn phía Đông của đất nước. Một số đảo ven bờ còn có vị trí quan trọng được sử dụng làm các điểm mốc quốc gia trên biển để thiết lập đường cơ sở ven bờ lục địa Việt Nam, từ đó xác định vùng nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa, làm cơ sở pháp lý để bảo vệ chủ quyền quốc gia trên các vùng biển. Theo quy định của Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển 1982, các quốc gia ven biển có 5 vùng biển gồm: Nội thủy nằm bên trong đường cơ sở; lãnh hải có chiều rộng 12 hải lý; vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa có chiều rộng 200 hải lý tính từ đường cơ sở; riêng thềm lục địa có thể kéo dài ra tới 350 hải lý.

(Theo Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Khánh Hòa)

1. Theo quy định của Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển 1982, các quốc gia ven biển có 5 vùng biển gồm

A. đất liền, nội thủy, lãnh hải, đặc quyền kinh tế, thềm lục địa.
B. đất liền, nội thủy, tiếp giáp lãnh hải, đặc quyền kinh tế, thềm lục địa.
C. nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, đặc quyền kinh tế, thềm lục địa.

D. nội thủy, lãnh hải, đặc quyền kinh tế, thềm lục địa, vùng quốc tế.

2. Nội thủy là vùng

A. nước tiếp giáp với đất liền, ở phía trong đường cơ sở.

B. có chiều rộng 12 hải lý.

C. tiếp liền với lãnh hải và hợp với lãnh hải thành vùng biển rộng 200 hải lý.

D. nước ở phía ngoài đường cơ sở với chiều rộng 12 hải lý.

3. Phần ngầm dưới biển và lòng đất dưới đáy biển thuộc phần lục địa kéo dài mở rộng ra ngoài lãnh hải cho đến bờ ngoài của rìa lục địa, có độ sâu khoảng 200 m và hơn nữa, được gọi là

A. lãnh hải.

B. thềm lục địa.

C. vùng tiếp giáp lãnh hải.

D. vùng đặc quyền kinh tế.

----- HẾT -----

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN TUYENSINH247.COM

1.D	2.A	3.C	4.A	5.B	6.C	7.C	8.A	9_1.D	9_2.B
9_3.D	10_1.D	10_2.C	10_3.C	11_1.C	11_2.A	11_3.B			

Câu 1 (NB):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Địa lí tự nhiên.

Cách giải:

Huyện đảo nằm cách xa đất liền nhất của nước ta là Trường Sa.

Chọn D.

Câu 2 (TH):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Địa lí tự nhiên.

Cách giải:

Càng vào phía Nam gió mùa Đông Bắc càng suy yếu và gần như bị chặn lại ở dãy Bạch Mã.

Chọn A.

Câu 3 (TH):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Địa lí tự nhiên.

Cách giải:

Nguyên nhân chủ yếu làm tăng thêm tính bấp bênh của nông nghiệp nước ta là thiên nhiên mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa với nhiều thiên tai như bão lũ, hạn hán, sương muối, sâu dịch bệnh phát triển...

Chọn C.

Câu 4 (TH):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Địa lí tự nhiên.

Cách giải:

Miền Bắc ở độ cao trên 600 - 700 m, miền Nam phải trên độ cao 900 - 1000 m mới có khí hậu cận nhiệt đới chủ yếu vì nhiệt độ trung bình miền Nam cao hơn.

Chọn A.

Câu 5 (VD):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Địa lí tự nhiên.

Cách giải:

Khu vực nam Tây Bắc có mùa hạ đến sớm hơn vùng phía Đông Bắc chủ yếu do gió mùa Tây Nam đến sớm hơn (nam Tây Bắc là khu vực đón gió mùa Tây Nam trước Đông Bắc).

Chọn B.

Câu 6 (TH):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Địa lí tự nhiên.

Cách giải:

Sử dụng thuốc trừ sâu, phân hóa học là hoạt động có nguy cơ cao dẫn tới ô nhiễm đất.

Chọn C.

Câu 7 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào lí thuyết bài Bắc Trung Bộ.

Cách giải:

Việc trồng rừng ven biển ở vùng Bắc Trung Bộ có tác dụng chủ yếu là chắn gió bão, ngăn không cho cát bay, cát chảy lấn vào ruộng đồng, làng mạc. Do vùng ven biển Bắc Trung Bộ chịu ảnh hưởng nặng nề bởi các hiện tượng: bão, cát bay, cát chảy.

Chọn C.

Câu 8 (VD):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Địa lí tự nhiên.

Cách giải:

Các nhân tố tự nhiên quyết định sự phân bố của nhà máy thủy điện Hoà Bình là địa hình (địa hình vùng đồi núi, có sự phân bậc) và sông ngòi (nhà máy thuỷ điện Hoà Bình được xây dựng trên sông Đà).

Sông ngòi có lượng nước lớn chảy trên miền địa hình dốc là điều kiện thuận lợi để xây dựng nhà mày thuỷ điện.

Chọn A.

Câu 9 (VD):

1. (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn 1.

Cách giải:

Theo bài viết, quốc gia có tiềm năng gió lớn nhất ở khu vực Đông Nam Á là Việt Nam.

Chọn D.

2. (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn 2 kết hợp với lí thuyết bài thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa.

Cách giải:

- Ở phần phía nam đèo Hải Vân, mùa gió mạnh trùng với gió mùa mùa hạ.

- Gió mùa mùa hạ: hoạt động vào tháng 5 đến tháng 10, có hai luồng gió cùng hướng tây nam thổi vào nước ta: gió hướng tây nam và gió mùa Tây Nam.

=> Ở phía nam đèo Hải Vân, loại gió có tiềm năng năng lượng gió lớn nhất là gió mùa Tây Nam.

Chọn B.

3. (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn 2.

Cách giải:

Hai tỉnh có tiềm năng và triển vọng phát triển năng lượng gió cao nhất trong vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là Ninh Thuận và Bình Thuận.

Chọn D.

Câu 10 (NB):

1. (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn 1.

Cách giải:

Biển Đông rộng, nhiệt độ nước biển cao và biến động theo mùa đã làm tăng độ ẩm của các khối khí qua biển, mang lại cho nước ta lượng mưa và độ ẩm lớn, đồng thời làm giảm tính chất khắc nghiệt của thời tiết lạnh khô trong mùa đông và làm dịu bớt thời tiết nóng bức vào mùa hạ. Nhờ có Biển Đông, khí hậu nước ta mang nhiều đặc tính của khí hậu hải dương nên điều hoà hơn.

=> Khí hậu nước ta mang đặc tính khí hậu hải dương, điều hòa hơn là nhờ tiếp giáp với Biển Đông.

Chọn D.

2. (TH):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn 2.

Cách giải:

Loại A, B, D vì: Các dạng địa hình ven biển nước ta rất đa dạng. Đó là các vịnh cửa sông, các bờ biển mài mòn, các tam giác châu có bãi triều rộng, các bài cát phẳng, cồn cát, các đầm phá, các vũng vịnh nước sâu, các đảo ven bờ và những rạn san hô...

Chọn C vì: Dải đồng bằng ven biển thường nghèo, hẹp ngang, nhiều cát, ít phù sa sông và bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ..

Chọn C.

3. (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn 2.

Cách giải:

Hệ sinh thái rừng ngập mặn cho năng suất sinh học cao nhất ở vùng nước lợ.

Chọn C.

Câu 11 (VD):

1. (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn 2.

Cách giải:

Theo quy định của Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển 1982, các quốc gia ven biển có 5 vùng biển gồm: nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, đặc quyền kinh tế, thềm lục địa.

Chọn C.

2. (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn 2.

Cách giải:

Nội thủy là vùng nước tiếp giáp với đất liền, ở phía trong đường cơ sở.

Chọn A.

3. (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn 2.

Cách giải:

Phần ngầm dưới biển và lòng đất dưới đáy biển thuộc phần lục địa kéo dài mở rộng ra ngoài lãnh hải cho đến bờ ngoài của rìa lục địa, có độ sâu khoảng 200 m và hơn nữa, được gọi là thềm lục địa.

Chọn B.